

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST.

Ngày 07/11/2018.

*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2. Ông Nguyễn Cửu Hưng.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phan Khắc Quân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V** (Viết tắt là: V); địa chỉ: Số 89 L H, quận Đ Đ, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1983; trú tại: Số 112 đường P C T, quận i C, thành phố Đà Nẵng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 41/2018/UQ-VPB ngày 10/4/2018) - Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Võ Lê L**, sinh năm 1980 và bà **Nguyễn Thị Lan H**, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường 5, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V trình bày: Vợ chồng ông **Võ Lê L**, bà **Nguyễn Thị Lan H** vay vốn tại V - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng số 4533420 ngày 18/9/2015 với số tiền: 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 72 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô; Các kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc và trả nợ lãi theo định kỳ 1 tháng 1/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Lãi suất trong hạn: 7,99%/năm cố định trong vòng 12 tháng. Các tháng còn lại lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần theo lãi suất tiết kiệm VND

kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của VPBank tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ 4%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Xe ô tô con hiệu MAZDA, mang biển kiểm soát 74A-042.22 (Số khung 47A6FC019852, số máy PE10242686) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001857 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/9/2015. Tài sản này đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4533420 đã được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị chứng nhận ngày 18/9/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Long, bà Hương đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; cụ thể vợ chồng ông L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay kể từ ngày 25/11/2016, tổng số ngày quá hạn tính đến ngày 26/3/2018 là 486 ngày. Tính đến ngày 26/3/2018, vợ chồng ông L, bà H còn nợ V tổng số tiền là: **636.117.963 đồng**, trong đó: nợ gốc: 540.829.000 đồng, nợ lãi: 95.288.963 đồng. V đã nhiều lần làm việc đôn đốc trả nợ, nhưng ông L, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả nợ cho V số tiền **636.117.963 đồng** (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu, một trăm mười bảy ngàn, chín trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: nợ gốc: 540.829.000 đồng, nợ lãi: 95.288.963 đồng và tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày vợ chồng ông L, bà H thực tế thanh toán hết nợ cho V.

Trường hợp vợ chồng ông L, bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con, hiệu MAZDA, biển kiểm soát 74A-042.22 (Số khung 47A6FC019852, số máy PE10242686) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001857 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/9/2015 để thu hồi nợ vay cho V.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa V tiếp tục yêu cầu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho V tính đến ngày 06/11/2018 với tổng số tiền **717.816.900 đồng**, gồm các khoản sau:

- Nợ tiền gốc: 540.829.000 đồng;
- Nợ tiền lãi 150.587.900 đồng (*Gồm lãi trong hạn 97.432.736 đồng và lãi quá hạn 53.155.164 đồng*)
- Hoàn trả tiền ưu đãi: 26.400.000 đồng.

Buộc vợ chồng ông L, bà H tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày vợ chồng ông L, bà H thanh toán hết nợ cho V. Trường hợp ông L, bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho V.

*Bị đơn:* Ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H tuy đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng không có bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án làm việc và hòa giải.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bị đơn ông L, bà H. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ 2 lần văn bản Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn, nhưng ông L, bà H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn ông L, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV (V) về việc yêu cầu ông L, bà H phải trả nợ tiền vay cho V tính đến ngày 06/11/2018 với số tiền 691.416.900 đồng, gồm: Nợ tiền gốc: 540.829.000 đồng; Nợ tiền lãi 150.587.900 đồng (*Lãi trong hạn 97.432.736 đồng và lãi quá hạn 53.155.164 đồng*); Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 18/9/2015, V - Chi nhánh Quảng Trị với vợ chồng ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H hai bên đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 4533420 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 4533420 trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng giao kết giữa các bên đều hợp pháp, có hiệu lực pháp luật từ thời điểm ký kết.

Theo Hợp đồng tín dụng số 4533420 ngày 18/9/2015, V - Chi nhánh Quảng Trị cho ông L, bà H vay với số tiền: 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 72 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô.

Lãi suất cho vay: 7,99%/năm cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 19/9/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2016, mức điều chỉnh theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của V tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ 4%/năm.

Về kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc và trả nợ lãi theo định kỳ 1 tháng 1/lần vào ngày 25 hàng tháng; Kỳ trả nợ gốc và nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/10/2015. Số tiền nợ gốc bên vay phải trả mỗi kỳ là 9.167.000 đồng, kỳ cuối cùng trả là 9.143.000 đồng, tổng cộng 72 kỳ.

Sau khi Hợp đồng tín dụng số 4533420 được ký kết. Ngày 19/9/2015, V - Chi nhánh Quảng Trị đã giải ngân cho ông L, bà H vay với số tiền 660.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ lần 1 số 4533420. Tuy nhiên, sau khi nhận nợ tiền vay với số tiền 660.000.000 đồng, thì ông L, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho V theo cam kết tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Cụ thể: Ông L, bà H chỉ mới trả cho V được một phần nợ tiền gốc là 119.171.000 đồng và tiền lãi đến ngày 24/11/2016.

Tính từ ngày 25/11/2016, ông L, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho V nên V đã chuyển toàn bộ khoản tiền dư nợ tiền gốc sang nợ quá hạn và tính lãi suất phạt quá hạn theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và nhiều lần đôn đốc vợ chồng ông L, bà H trả nợ cho V. Nhưng ông L, bà H vẫn tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V, do đó cho thấy ông L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã được ký kết.

Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng hai bên đã thỏa thuận: Ngân hàng có quyền thu hồi nợ vay còn lại của bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau “*Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và Khế ước nhận nợ*”. Vì vậy, VPBank khởi kiện yêu cầu ông L, bà H có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ tiền gốc còn thiếu và tiền lãi cho VPBank là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy: Tính đến ngày 06/11/2018, ông L, bà H còn nợ V theo Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền 691.416.900. Trong đó: Nợ tiền gốc 540.829.000 đồng; Nợ tiền lãi 150.587.900 đồng (*Lãi trong hạn 97.432.736 đồng và lãi quá hạn 53.155.164 đồng*). Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của V và buộc ông L, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV (V0 về việc yêu cầu ông L, bà H phải thanh toán cho V khoản tiền: Hoàn trả tiền ưu đãi 26.400.000 đồng. Căn cứ vào khoản 4, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, xét thấy: Trường hợp ông L, bà H trả toàn bộ khoản nợ tiền vay cho V trước thời hạn cho vay thì ông L, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho V khoản tiền hỗ trợ lãi suất ưu đãi do trả nợ tiền vay trước thời hạn. Còn trong trường hợp này, do ông L, bà H mất khả năng thanh toán, không trả được nợ cho V theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã cam kết. Do đó, V khởi kiện thu hồi toàn bộ khoản nợ tiền vay trước thời hạn cho vay, chứ không phải ông L, bà H trả nợ trước thời hạn cho vay. Vì vậy, ông L, bà H không có nghĩa vụ phải trả tiền hỗ trợ lãi suất ưu đãi nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của V.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV (V) về việc yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản đảm bảo đã được thế chấp để thu hồi nợ cho V, xét thấy:

Để đảm bảo khoản vay của Hợp đồng tín dụng số: 4533420 ngày 18/9/2015, cùng ngày V - Chi nhánh Quảng Trị với vợ chồng ông L, bà H hai bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: 4533420. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô con, hiệu MAZDA, biển kiểm soát 74A-042.22 (Số khung 47A6FC019852, số máy PE10242686) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001857 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/9/2015 đứng tên ông Võ Lê L và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 18/9/2015. Theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng và Điều 7 của Hợp đồng thế chấp, hai bên thỏa thuận: Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi “*Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo văn kiện hợp đồng tín dụng ký với bên ngân hàng và bên thế chấp vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào quy định của hợp*

*đồng thế chấp và văn kiện tín dụng đã ký*”. Do vợ chồng ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng mà hai bên đã cam kết. Vì vậy, việc V yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản đảm bảo đã được thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L, bà H phải trả nợ tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền 691.416.900 được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.656.676 đồng { 20.000.000 đồng + (Phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) x 4%}. Việc Nguyên đơn V yêu cầu bị đơn ông L, bà H phải thanh toán khoản tiền Hỗ trợ lãi suất với số tiền 26.400.000 đồng không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.320.000 đồng {26.400.000 đồng (Giá trị tranh chấp) x 5%}; theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 302, 342, 355, 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (VPBank); Buộc ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V) tính đến ngày 06/11/2018 với tổng số tiền 691.416.900 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc 540.829.000 đồng và nợ tiền lãi 150.587.900 đồng (*Gồm lãi trong hạn 97.432.736 đồng và lãi quá hạn 53.155.164 đồng*).

Trong trường hợp ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V) thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (V) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Xe ô tô con, hiệu MAZDA, biển kiểm soát 74A-042.22 (Số khung 47A6FC019852, số máy PE10242686) theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001857 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16/9/2015 đứng tên ông Võ Lê L theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V) về việc buộc ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H phải thanh toán khoản tiền hỗ trợ lãi suất ưu đãi với số tiền 26.400.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi

thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trong trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

*Về án phí:*

- Ông Võ Lê L và bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu 31.656.676 đồng (*Ba mươi mốt triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V) phải chịu 1.320.000 đồng (*Một triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.722.000 đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0009088 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (V) số tiền chênh lệch là 13.402.000 đồng (*Mười ba triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Cửu Hưng

Nguyễn Thị Hải Yến.

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, DA.

**Nguyễn Thị Hải Yến**